

Ngày 15 tháng 10 năm 2011

BÀI KIỂM TRA Ở NHÀ LẦN 2 - Môn : Hán cổ
HỌC KỲ 5 NĂM 3 KHÓA II - KHOA ĐÀO TẠO TỪ XA

I. Chọn đáp án đúng khoanh tròn, ví dụ ©

1/ 全家均好。Trong câu này, 均 là :

- a/ Liên từ b/Giới từ c/Động từ d/Phó từ

2/ 寫書一封,問兄安否? Trong câu này, 否 là :

- a/ Phó từ b/Giới từ c/Động từ d/Liên từ

3/ 霜降後, 葉漸黃.Trong câu này, phó từ là:

- a/ 降 b/後 c/霜 d/漸

4/ 人坐影亦坐, 人行影亦行。Trong câu này, phó từ là:

- a/ 行 b/坐 c/影 d/亦

5/ 全家均好。Trong câu này, phó từ là:

- a/ 均 b/好 c/全 d/家

6/ 老幼均安。Trong câu này, 均 là :

- a/ Động từ b/Phó từ c/Giới từ d/Liên từ

7/ 鳥之將死, 其鳴也哀。Trong câu này, 將 là :

- a/ Liên từ b/Giới từ c/Động từ d/Phó từ

8/ 彼既丈夫我亦爾.Trong câu này, 既 là

- a/ Giới từ b/Động từ c/Phó từ d/Liên từ

9/ 我等與眾生, 皆共成佛道。Trong câu này, phó từ là:

- a/ 我 b/成 c/佛 d/皆

10/ 莊兒將入學.Trong câu này, phó từ là:

- a/ 將 b/學 c/入 d/兒

11/ 鳥之將死, 其鳴也哀。Trong câu này, phó từ là:

- a/ 之 b/鳥 c/將 d/也

12/ 同坐岸上.Trong câu này, phó từ là:

- a/ 同 b/坐 c/上 d/岸

13/ 庭中種桂,其葉常綠.Trong câu này, phó từ là:

- a/ 庭 b/其 c/常 d/中

14/ 變化莫測。 Trong câu này, 莫 là :

- a/ Liên từ b/Động từ c/Phó từ d/Giới từ

15/ 人之將死, 其言也善 . Trong câu này, phó từ là:

- a/ 將 b/其 c/也 d/人

16/ 明月將出. Trong câu này, 將 là :

- a/ Phó từ b/Liên từ c/Giới từ d/Động từ

17/ 我等與眾生，皆共成佛道。 Trong câu này, 皆 là :

- a/ Phó từ b/Giới từ c/Động từ d/Liên từ

18/ 我家之人甚多.Trong câu này, phó từ là:

- a/ 甚 b/我 c/人 d/之

19/ 腦能接認感覺,亦能發生思想. Trong câu này, phó từ là:

- a/ 亦 b/感覺 c/接認 d/能

20/ 人之將死, 其言也善 . Trong câu này, 將 là :

- a/ Liên từ b/Giới từ c/Động từ d/Phó từ

21/ 舟已行矣，而劍不行.Trong câu này, phó từ là:

- a/ 已 b/已, 不 c/而 d/不

22/ 春夏秋冬，是為四季。 Trong câu này, Đại từ là

- a/ 冬 b/為 c/是 d/季

23/ 富與貴，是人之所欲也. Trong câu này, Đại từ là

- a/ 所 b/與 c/之 d/是

24/ 天初晚,月光明。 Trong câu này, 初 là :

- a/ Phó từ b/Tính từ c/Động từ d/Giới từ

25/ 常居穴中，晝伏夜出。 Trong câu này, 常 là :

- a/ Giới từ b/Động từ c/Phó từ d/Tính từ

26/ 日初升，荷鋤出。 Trong câu này, 初 là :

- a/ Phó từ b/Động từ c/Tính từ d/Giới từ

27/ 惟不能讀書. Trong câu này, 惟 là :

- a/ Động từ b/Giới từ c/Phó từ d/Tính từ

28/ 故其知識終不如人. Trong câu này, 終 là :

- a/ Động từ b/Giới từ c/Phó từ d/Tính từ

29/ 又能營巢, 以避風雨. Trong câu này, 又 là :

- a/ Giới từ b/Liên từ c/Phó từ d/Động từ

30/ 人坐影亦坐, 人行影亦行. Trong câu này, 亦 là :

- a/ Giới từ b/Phó từ c/Động từ d/Liên từ

31/ 天初晚, 月光明. Trong câu này, phó từ là :

- a/ 月 b/天 c/初 d/晚

32/ 常居穴中, 晝伏夜出. Trong câu này, phó từ là :

- a/ 常 b/穴 c/居, d/中

33/ 日初升, 荷鋤出. Trong câu này, phó từ là :

- a/ 初 b/日 c/荷 d/升

34/ 惟不能讀書. Trong câu này, phó từ là :

- a/ 能 b/惟 c/惟, 不 d/不

35/ 又能營巢, 以避風雨. Trong câu này, phó từ là :

- a/ 避 b/以 c/能 d/又

36/ 故其知識終不如人. Trong câu này, phó từ là:

- a/ 故 b/終, 不 c/不, d/終

37/ 寫書一封, 問兄安否? Trong câu này, phó từ là:

- a/ 否 b/寫 c/封 d/問

38/ 天氣各異. Trong câu này, 各 là

- a/ Liên từ b/Giới từ c/Phó từ d/Đại từ

39/ 漸入佳境. Trong câu này, 漸 là :

- a/ Phó từ b/Động từ c/Liên từ d/Giới từ

40/ 舟已行矣, 而劍不行. Trong câu này, 已 là :

- a/ Giới từ b/Động từ c/Liên từ d/Phó từ

41/ 變化莫測。Trong câu này, phó từ là:

- a/ 變 b/測 c/化 d/莫

42/ 有福同享,有難同當.Trong câu này, 同 là :

- a/ Liên từ b/Phó từ c/Động từ d/Giới từ

43/ 庭中種桂,其葉常綠.Trong câu này, 常 là :

- a/ Giới từ b/Động từ c/Liên từ d/Phó từ

44/ 明月將出。Trong câu này, phó từ là:

- a/ 出 b/將 c/月 d/明

45/ 老幼均安。Trong câu này, phó từ là:

- a/ 老 b/安 c/均 d/幼

46/ 莊兒將入學.Trong câu này, 將 là :

- a/ Liên từ b/Phó từ c/Động từ d/Giới từ

47/ 同坐岸上.Trong câu này, 同 là :

- a/ Giới từ b/Động từ c/Phó từ d/Liên từ

48/ 我家之人甚多.Trong câu này, 甚 là :

- a/ Động từ b/Phó từ c/Liên từ d/Giới từ

49/ 霜降後, 葉漸黃.Trong câu này, 漸 là :

- a/ Giới từ b/Động từ c/Phó từ d/Liên từ

50/ 舟已行矣, 而劍不行.Trong câu này, 不 là

- a/ Liên từ b/Động từ c/Phó từ d/Giới từ

51/ 春夏秋冬, 是為四季。Trong câu này, 是 là

- a/ Liên từ b/Phó từ c/Đại từ d/Giới từ

52/ 彼既丈夫我亦爾.Trong câu này, 亦 là

- a/ Động từ b/Giới từ c/Liên từ d/Phó từ

53/ 前不見古人, 後不見來者。Trong câu này, phó từ là:

- a/ 者 b/前 c/後 d/不

54/ 今爾向日而行, 是為東方。Trong câu này, 是 là

- a/ Giới từ b/Đại từ c/Phó từ d/Liên từ

55/ 漸入佳境.Trong câu này, phó từ là:

a/ 漸

b/佳

c/境

d/入

56/ 有福同享,有難同當.Trong câu này, phó từ là:

a/ 福

b/當

c/享

d/同

57/ 各有安樂之心.Trong câu này, 各 là

a/ Đại từ

b/Giới từ

c/Phó từ

d/Liên từ

58/ 世界各國.Trong câu này, 各 là

a/ Phó từ

b/Đại từ

c/Tính từ

d/Liên từ

59/ 前不見古人,後不見來者。 Trong câu này, 不 là :

a/ Liên từ

b/Động từ

c/Giới từ

d/Phó từ

60/ 富與貴，是人之所欲也。 Trong câu này, 是 là

a/ Đại từ

b/Giới từ

c/Phó từ

d/Liên từ

II. Phiên âm Hán Việt (không cần dịch):

農田水利 _____ 為富不仁 _____

成住壞空 _____ 出口成章 _____

住持三寶 _____ 妙手回春 _____

高山流水 _____ 口是心非 _____

半字為師 _____ 金枝玉葉 _____

轉敗為勝 _____ 千葉蓮 _____

士氣 _____ 丈夫 _____ 分離 _____

天氣 _____ 匹夫 _____ 初生 _____

各位 _____ 主編 _____ 初二 _____

農民 _____ 編撰 _____ 初愿 _____

農夫 _____ 編輯 _____ 初心 _____

貧農 _____ 矛盾 _____ 荷花 _____

農具 _____ 離開 _____ 薄荷 _____

保助	助詞	歸依法
協助	歸國	歸依僧
援助	歸家	佛子
救助	榮歸	孔子
內助	于歸	孟子
助給	三歸依	中秋
助教	三寶	千秋
助力	歸依佛	是非

III. Phiên âm và dịch nghĩa :

1. 佛陀是覺悟自心，救度衆生，達到圓滿者之德號。 _____

2. 如中国之尊稱孔子為聖人一樣，有歷史，有事實。 _____

3. 而佛智慧能力尤大，所以尊稱為佛。 _____

4. 佛之智慧，是專為破除貪，瞋，癡，慢等煩惱。 _____

5. 佛之能力，確能使一切衆生，離一切苦，得究竟樂。 _____

6. 国家兴亡，匹夫有责。 _____

7. 變沙漠為良田。 _____

8. 荷天下之重任。 _____

9. 他年蒞溪約，短笠荷春鋤。 _____

10. 君子之道，或出或處。 _____

11. 鳥之將死，其鳴也哀；人之將死，其言也善？ _____

12. 三歸依即歸依佛、歸依法、歸依僧。 _____

IV. Dựa vào âm Hán Việt viết chữ Hán :

1. Hữu nông phu trú sơn hạ.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2. Nhật sơ thăng, hạ sừ xuất.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

3. Nhật tương lạc, hạ sừ quy.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

4. Biên mao vi ốc, biên trúc vi li.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Đáp án của đề thi:

1/d	2/a	3/d	4/d	5/a	6/b	7/d	8/c
9/d	10/a	11/c	12/a	13/c	14/c	15/a	16/a
17/a	18/a	19/a	20/d	21/b	22/c	23/d	24/a
25/c	26/a	27/c	28/c	29/c	30/b	31/c	32/a
33/a	34/c	35/d	36/b	37/a	38/d	39/a	40/d
41/d	42/b	43/d	44/b	45/c	46/b	47/c	48/b
49/c	50/c	51/c	52/d	53/d	54/b	55/a	56/d
57/a	58/c	59/d	60/a				